

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 71/2024/HSST

Ngày: 07/5/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoàng

Bà R'Com Myr

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hải, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Hoá, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2024/TLST – HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Nguyễn Tú N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 01 năm 2000 tại Gia Lai;

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: 78/4 T H T, Tổ 11, phường Y Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình T, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Nguyễn Tú N bị tạm giữ từ ngày 25/10/2023 đến ngày 03/11/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954. Địa chỉ: 78/4 T H T, Tổ 11, phường Y Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Anh T. Địa chỉ: 119 đường T P, phường T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Trần Đình T, sinh năm 1946; Địa chỉ: 78/4 T H T, Tổ 11, phường Y Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Nguyễn Tú N là con ruột của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1954, trú tại số nhà 78/4 đường T H T, Tổ 11, phường Y Đ, thành phố P). Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/9/2023, thấy bà H đang ngồi trên giường trong phòng ngủ tại nhà nên N đi vào nói với bà H cho N 300.000 đồng để N đi trả tiền ăn nhậu; bà H lấy tiền trong túi ra đưa cho N 200.000 đồng, N không đồng ý và nói cho N mượn điện thoại đi cầm, sau này có tiền thì chuộc lại trả, nhưng bà H không đồng ý. Lúc này, N nhìn thấy điện thoại di động hiệu Oppo A17 màu xanh đen của bà H đang sạc pin để trên đầu giường nên N liền giật điện thoại rồi bỏ chạy. Thấy vậy, bà H liền túm áo của N kéo lại; N vùng thoát ra thì áo của N tuột ra khỏi người và làm bà H ngã sấp xuống nền nhà, N ở trần bỏ chạy thoát. Sau đó, N đến tiệm dịch vụ cầm đồ Anh Vũ 2 ở số 119 đường T P, phường T S, thành phố P, do anh Trần Anh T (sinh năm 1986) làm chủ, cầm cố lấy 1.500.000 đồng. Sau khi cầm cố điện thoại cho anh T, N bỏ trốn lên tỉnh Kon Tum làm thuê. Cùng ngày, bà H viết đơn gửi Công an phường Y Đ, thành phố P trình báo sự việc trên. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Công an phường Y Đ đã tiến hành ghi nhận hiện trường nơi xảy ra vụ việc. Theo lời khai của bà H, Công an phường Y Đ đã làm việc và thu giữ của Trần Anh T 01 điện thoại di động hiệu Oppo A17 màu xanh đen. Ngày 14/9/2023, Công an phường Y Đ chuyển hồ sơ vụ việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để điều tra theo thẩm quyền trên. Quá trình điều tra, Trần Nguyễn Tú N đã đưa cho bà H 1.500.000 đồng để bà H trả tiền mà N đã cầm cố điện thoại cho Trần Anh T. Ngày 25/10/2023, N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Qua định giá, xác định: Điện thoại di động hiệu Oppo A17 bị Trần Nguyễn Tú N chiếm đoạt ngày 13/9/2023 có trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Bản Cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 08 tháng 4 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Nguyễn Tú N về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Tú N mức án bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giam.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai bị hại, phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận định giá tài sản số 209/KL – HĐĐGTS ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố P, có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/9/2023, tại nhà bà Nguyễn Thị H ở số 78/4 đường T H T, Tổ 11, phường Y Đ, thành phố P, sau khi xin tiền của bà H không được nên Trần Nguyễn Tú N đã giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A17, trị giá 2.500.000 đồng của bà H đang sạc pin để trên đầu giường nơi bà H đang ngồi. Sau đó, N đem đến tiệm dịch vụ cầm đồ Anh Vũ 2 ở số 119 đường T P thành phố P, cầm cố cho anh Trần Anh T (là chủ tiệm) được 1.500.000 đồng, rồi bỏ trốn. Đến ngày 25/10/2023, Trần Nguyễn Tú N ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bị cáo Trần Nguyễn Tú N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cướp giật tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý. Hành vi giật tài sản của người khác trị giá 2.500.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát của bị cáo N đã thực hiện nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Nguyễn Tú N đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Nguyễn Tú N về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án “*Cướp giật tài sản*”, hành vi của bị cáo được xác định là tội phạm nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cụ thể:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự;

Tình tiết tăng nặng bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, sau khi phạm tội bị cáo N đã đầu thú, bị cáo

là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm trừng trị, giáo dục ý thức pháp luật, đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập với xã hội, thành người tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ” nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về dân sự: Sau khi nhận lại điện thoại di động hiệu Oppo A17 màu xanh đen và được bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hường không yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[8] Vật chứng của vụ án: Đối với điện thoại di động hiệu Oppo A17 bị Trần Nguyễn Tú N chiếm đoạt ngày 13/9/2023 có trị giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra xử lý trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với Trần Anh T (chủ tiệm dịch vụ cầm đồ Anh Vũ 2) là người đã nhận cầm cố điện thoại di động hiệu Oppo A17 của Trần Nguyễn Tú N, qua điều tra xác định: Khi nhận cầm cố điện thoại của bị cáo N thì anh T không biết đó là tài sản do N chiếm đoạt của người khác nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Tú N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Tú N 6 (Sáu)

tháng 12 (Mười hai) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 25/10/2023.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do cho bị cáo Trần Nguyễn Tú N ngay tại phiên tòa vì thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam, nếu bị cáo không bị giam về một tội phạm khác.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Trần Nguyễn Tú N phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Đình Hoảng Bà R'Com Myr

Nguyễn Thị Hồng Thắm

Nghiêm Thế Hùng

Quách Đình Hoàng

Nguyễn Thị Hồng Thắm

